

Bản án số: 31/2018/HS-PT

Ngày: 09-4-2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Huỳnh Đức.

Các Thẩm phán: Ông Trương Văn Lộc;

Ông Trần Văn Luông.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Hằng – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Lữ Thị Lệ Huyền – Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 4 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 33/2018/TLPT-HS ngày 28 tháng 02 năm 2018 đối với bị cáo Nguyễn Văn M do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 08/2018/HS-ST ngày 19 tháng 01 năm 2018 của Tòa án nhân dân thị xã T, tỉnh Bình Dương.

Họ và tên bị cáo có kháng cáo: **Nguyễn Văn M**, sinh năm 1991 tại tỉnh Cà Mau; nơi cư trú: Ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Cà Mau; chỗ ở: D16 khu dân cư V khu phố 4, phường A, thị xã T, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; không rõ tên cha; con bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1962; có vợ tên Hồ Thị K, sinh năm 1991 và 01 người con sinh năm 2012; tiền án: Không; tiền sự: Không; nhân thân: Không; bị bắt tạm giữ từ ngày 10/01/2017 đến ngày 19/01/2017 được thay đổi biện pháp ngăn chặn; bị bắt tạm giam ngày 28/12/2017 cho đến nay, có mặt.

Trong vụ án còn có các bị cáo Lê Minh T, Lê Minh H, Lê Út N, Bùi Văn T1, Hà Văn Tiền E; các nguyên đơn dân sự Công ty Tài chính trách nhiệm hữu hạn T, Công ty H; các những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty P, ông Nguyễn Xuân T, hộ kinh doanh P, Doanh nghiệp tư nhân V, Hộ kinh doanh Q, Công ty Trách nhiệm hữu hạn N; những người này không kháng cáo và Viện Kiểm sát không kháng nghị nên Tòa án không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lê Minh T là nhân viên tư vấn tín dụng của Công ty tài chính trách nhiệm hữu hạn T (viết tắt là Công ty tài chính T). Với mục đích chiếm đoạt tài sản của người khác, Lê Minh T đã chỉnh sửa giấy chứng minh nhân dân của khách hàng để vay tiền của Công ty tài chính T; ngoài ra, Lê Minh T cùng với Lê Minh H, Lê Út N, Nguyễn Văn M, Bùi Văn T1, Hà Văn Tiền E đã sử dụng giấy chứng minh nhân dân, giấy phép lái xe của người khác mua lại từ các tiệm cầm đồ, sau đó mang về chỉnh sửa bằng cách gắn hình ảnh của mình lên các giấy tờ trên, rồi mang đến các cửa hàng mua bán điện thoại, xe mô tô đề nghị mua điện thoại, xe mô tô thông qua Hợp đồng tín dụng tiêu dùng trả góp nhằm chiếm đoạt tiền của các Công ty tài chính. Cụ thể như sau:

Vụ thứ nhất: Người thực hiện Lê Minh T (sử dụng tên Đặng Đức H) chiếm đoạt số tiền 31.650.000 đồng của Công ty tài chính T.

Ngày 03/6/2015, do có nhu cầu vay tiêu dùng cá nhân, ông Đặng Đức H liên lạc với Lê Minh T là nhân viên tư vấn tín dụng của Công ty tài chính T để làm hồ sơ vay vốn tín chấp; hồ sơ vay T yêu cầu H cung cấp gồm: Chứng minh nhân dân, sổ hộ khẩu, hợp đồng lao động và bảng lương 03 tháng gần nhất (tất cả là bản photocopy đã được T ký xác nhận đối chiếu với bản gốc). Sau đó, H đã làm đơn đề nghị vay vốn kèm giấy đăng ký kiêm Hợp đồng mở và sử dụng tài khoản với Công ty tài chính T, do T tư vấn và lập. Tuy nhiên, do không còn nhu cầu vay vốn nên H đã liên lạc với T để hủy hồ sơ vay vốn nêu trên. Ngày 11/5/2015, T đã chủ động liên hệ với H để cung cấp thông tin trên chứng minh nhân dân của H để làm thủ tục hủy hồ sơ vay vốn.

Do T có quen biết với đối tượng tên S (không xác định được nhân thân, lai lịch), T và S đã làm giả giấy chứng minh nhân dân của H có dán hình T và vay vốn của Công ty tài chính T với số tiền 31.650.000 đồng (ba mươi một triệu sáu trăm năm mươi nghìn đồng). Sau khi nhận được số tiền giải ngân nêu trên, T đưa số tiền này cho S, S chia cho T 7.000.000 đồng, số tiền còn lại S giữ.

Vụ thứ hai: Người thực hiện Lê Minh T (sử dụng tên Nguyễn Văn L) chiếm đoạt số tiền 21.000.000 đồng của Công ty tài chính T.

Tháng 7/2016, do có nhu cầu vay tiền của Công ty tài chính T, Nguyễn Văn L đã liên hệ với T để được tư vấn và L đã cung cấp cho T các giấy tờ gồm: Sổ hộ khẩu, giấy chứng minh nhân dân để T thẩm định hồ sơ vay tiền. Sau đó, T đã đưa hồ sơ của Nguyễn Văn L cho đối tượng tên S để thẩm định, nhưng S đã trả lời hồ sơ của L không đủ điều kiện được vay vốn; đồng thời T cũng thông báo cho L biết hồ sơ của L không đạt yêu cầu. Sau đó S bàn bạc với T lấy giấy tờ của Nguyễn Văn L để làm giả giấy chứng minh nhân dân tên Nguyễn Văn L có dán hình T để mua hàng trả góp xe gắn máy và S hứa cho T tiền.

Ngày 29/7/2016, T đến Công ty Trách nhiệm hữu hạn N, địa chỉ số 1/82 khu phố H, phường T, thị xã T, tỉnh Bình Dương sử dụng sổ hộ khẩu và giấy chứng minh nhân dân mang tên Nguyễn Văn L (có dán ảnh của T) để ký kết

hợp đồng tín dụng với Công ty tài chính T vay số tiền 21.000.000 đồng mua hàng trả góp 01 chiếc xe máy nhãn hiệu Yamaha Sirius của Công ty N, Công ty tài chính T chấp nhận cho Nguyễn Văn L vay số tiền này. Sau khi Công ty tài chính T giải ngân số tiền vay và chuyển vào tài khoản của Công ty N, Công ty N đã bàn giao 01 chiếc xe máy nhãn hiệu Yamaha Sirius nêu trên cho Lê Minh T, T đã đưa lại chiếc xe này cho S và được S cho 500.000 đồng.

Vụ thứ ba: Người thực hiện Lê Minh T (sử dụng tên Nguyễn Minh H), chiếm đoạt 7.339.500 đồng của Công ty tài chính T.

Ngày 20/9/2016, Lê Minh T sử dụng giấy chứng minh nhân dân, giấy phép lái xe tên Nguyễn Minh H (có dán hình của T) đến Công ty tài chính đề nghị cho vay số tiền là 7.339.500 đồng (gồm: 6.990.000 đồng tiền mua máy + 349.500 đồng tiền bảo hiểm) để mua trả góp 01 (một) Ipad Mini tại cửa hàng Thế giới di động L, số 171 đường DT745 khu phố L, phường L, thị xã T, tỉnh Bình Dương.

Vụ thứ tư: Người thực hiện Lê Minh H (sử dụng tên Nguyễn Hữu C), chiếm đoạt 7.339.500 đồng của Công ty tài chính T.

Ngày 17/11/2016, Lê Minh H sử dụng giấy chứng minh nhân dân, giấy phép lái xe tên Nguyễn Hữu C (có dán hình của H) đến Công ty tài chính đề nghị cho vay số tiền là 7.339.500 đồng (gồm: 6.990.000 đồng tiền mua máy + 349.500 đồng tiền bảo hiểm) để mua trả góp 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 5S 16GB tại cửa hàng Điện máy Xanh L, số 311 đường N, khu phố N, phường L, thị xã T; sau đó H bán lại chiếc điện thoại nêu trên cho cửa hàng P lấy số tiền 4.000.000 đồng.

Vụ thứ năm: Người thực hiện Lê Minh H và đối tượng tên L chưa xác định được nhân thân lai lịch (L sử dụng tên Nguyễn Sĩ T), chiếm đoạt 7.339.500 đồng của Công ty tài chính T.

Ngày 01/12/2016, Lê Minh H và đối tượng L sử dụng giấy chứng minh nhân dân, giấy phép lái xe tên Nguyễn Sĩ T (có dán hình đối tượng L) đến Công ty tài chính đề nghị cho vay số tiền là 7.339.500 đồng (gồm: 6.990.000 đồng tiền mua máy + 349.500 đồng tiền bảo hiểm) để mua trả góp 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 5S 16GB tại cửa hàng Điện máy Xanh L, số 311 đường N, khu phố N, phường L, thị xã T; sau đó H bán lại chiếc điện thoại nêu trên cho cửa hàng P lấy số tiền 4.000.000 đồng, rồi đưa cho L 500.000 đồng.

Vụ thứ sáu: Người thực hiện Lê Minh T, Hà Văn Tiền E (sử dụng tên Trần Văn Đ) chiếm đoạt 7.339.500 đồng của Công ty tài chính T.

Ngày 11/12/2016, Lê Minh T, Hà Văn Tiền E sử dụng giấy chứng minh nhân dân, giấy phép lái xe tên Trần Văn Đ (có dán hình Tiền E) đến Công ty tài chính đề nghị cho vay số tiền là 7.339.500 đồng (gồm: 6.990.000 đồng tiền mua máy + 349.500 đồng tiền bảo hiểm) để mua trả góp 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 5S 16GB tại cửa hàng Thế giới di động, số 32/1 khu phố B,

phường T, thị xã T; sau đó, T bán lại chiếc điện thoại nêu trên cho cửa hàng P giá 4.000.000 đồng, sau đó chia cho Hà Văn Tiền E 1.000.000 đồng.

Vụ thứ bảy: Người thực hiện Lê Minh H, Nguyễn Văn M (sử dụng tên Thạch T) chiếm đoạt 7.339.500 đồng của Công ty tài chính T.

Ngày 15/12/2016, Lê Minh H và Nguyễn Văn M sử dụng giấy chứng minh nhân dân, giấy phép lái xe tên Thạch T (có dán hình của M) đến Công ty tài chính đề nghị cho vay số tiền là 7.339.500 đồng (gồm: 6.990.000 đồng tiền mua máy + 349.500 đồng tiền bảo hiểm) để mua trả góp 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 5S 16GB tại cửa hàng Thế giới di động L, số 171 đường DT 745 khu phố L, phường L, thị xã T; sau đó, H bán lại chiếc điện thoại nêu trên cho cửa hàng P lấy số tiền 4.000.000 đồng, rồi chia cho M 500.000 đồng.

Vụ thứ tám: Người thực hiện Lê Minh H, Nguyễn Văn M (sử dụng tên Trần Huỳnh Phú Q) chiếm đoạt 7.339.500 đồng của Công ty tài chính T.

Ngày 17/12/2016, Lê Minh H và Nguyễn Văn M sử dụng giấy chứng minh nhân dân, giấy phép lái xe tên Trần Huỳnh Phú Q (có dán hình của M) đến Công ty tài chính đề nghị cho vay số tiền là 7.339.500 đồng (gồm: 6.990.000 đồng tiền mua máy + 349.500 đồng tiền bảo hiểm) để mua trả góp 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 5S 16GB tại cửa hàng Điện máy Xanh L, số 311 đường N, khu phố N, phường L, thị xã T; sau đó, H bán lại chiếc điện thoại nêu trên cho cửa hàng P lấy số tiền 4.000.000 đồng, rồi chia cho M 500.000 đồng.

Vụ thứ chín: Người thực hiện Lê Út N, Hà Văn Tiền E (sử dụng tên Trần Minh N) chiếm đoạt 7.339.500 đồng của Công ty tài chính T.

Ngày 20/12/2016 Lê Út N, Hà Văn Tiền E sử dụng giấy chứng minh nhân dân, giấy phép lái xe tên Trần Minh N (có dán hình của Tiền E) đến Công ty tài chính đề nghị cho vay số tiền là 7.339.500 đồng (gồm: 6.990.000 đồng tiền mua máy + 349.500 đồng tiền bảo hiểm) để mua trả góp 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 5S 16GB tại cửa hàng Thế giới di động ngã tư Đ, số 2/123 khu phố H, phường T, thị xã T; sau đó, Lê Út N bán lại chiếc điện thoại nêu trên cho cửa hàng P lấy số tiền 4.500.000 đồng, rồi chia cho Tiền E 500.000 đồng.

Vụ thứ mười: Người thực hiện Lê Minh H, Lê Út N, Bùi Văn T1 (sử dụng tên Lê Viễn D) chiếm đoạt 7.339.500 đồng của Công ty tài chính T.

Ngày 23/12/2016 Lê Minh H, Lê Út N, Bùi Văn T1 sử dụng giấy chứng minh nhân dân, giấy phép lái xe tên Lê Viễn D (có dán hình của T1) đến Công ty tài chính đề nghị cho vay số tiền là 7.339.500 đồng (gồm: 6.990.000 đồng tiền mua máy + 349.500 đồng tiền bảo hiểm) để mua trả góp 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 5S 16GB tại cửa hàng Điện máy Xanh A, số 51C/1 khu phố 1A, phường A, thị xã T; sau đó, Lê Út N bán lại chiếc điện thoại nêu trên cho cửa hàng P lấy số tiền 4.500.000 đồng.

Vụ thứ mười một: Người thực hiện Lê Minh T, Hà Văn Tiền E (sử dụng tên Tạ Thanh H) chiếm đoạt 8.664.000 đồng của Công ty H.

Ngày 14/12/2016, Lê Minh T, Hà Văn Tiền E sử dụng giấy chứng minh nhân dân, giấy phép lái xe tên Tạ Thanh H (có dán hình Tiền E) đến Công ty H đề nghị cho vay số tiền 8.664.000 đồng để mua trả góp 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung A9 Pro tại cửa hàng Thế giới di động ngã tư H, số 1/25A đường T, khu phố H, phường T, thị xã T; sau đó, T cho Tiền E 700.000 đồng, còn điện thoại T bán cho người khác.

Như vậy:

Bị cáo Nguyễn Văn M thực hiện 02 vụ với tổng số tiền chiếm đoạt của Công ty tài chính T là 14.679.000 đồng;

Bị cáo Lê Minh T thực hiện 05 vụ (3 vụ thực hiện một mình, 2 vụ thực hiện cùng với bị cáo E) với tổng số tiền chiếm đoạt của Công ty tài chính T và Công ty H là 75.993.000 đồng;

Bị cáo Lê Minh H thực hiện 05 vụ (2 vụ thực hiện một mình, 2 vụ thực hiện với bị cáo M, 1 vụ thực hiện cùng với các bị cáo N và T1) với tổng số tiền chiếm đoạt của Công ty tài chính T là 36.697.500 đồng;

Bị cáo Hà Văn Tiền E thực hiện 03 vụ (1 vụ thực hiện với bị cáo N, 2 vụ thực hiện với bị cáo T) với tổng số tiền chiếm đoạt của Công ty tài chính T và Công ty Tài chính H là 23.343.000 đồng;

Bị cáo Lê Út N thực hiện 02 vụ (1 vụ thực hiện với bị cáo E, 1 vụ thực hiện với các bị cáo H và T1) với tổng số tiền chiếm đoạt của Công ty tài chính T là 14.679.000 đồng;

Bị cáo Bùi Văn T1 đã thực hiện 01 vụ cùng với các bị cáo N và H với số tiền chiếm đoạt của Công ty tài chính T là 7.339.500 đồng.

Trong quá trình điều tra, Cơ quan điều tra tiến hành khám xét khẩn cấp nơi ở của Lê Út N, Lê Minh H, Lê Minh T trên địa bàn thị xã T, thu giữ một số giấy tờ liên quan đến việc thực hiện hành vi phạm tội của các đối tượng này: Thu tại nơi ở của Lê Út N gồm 01 mặt sau giấy chứng minh nhân dân do Công an tỉnh Cà Mau cấp và 01 mặt sau Giấy phép lái xe hạng A1; thu tại nơi ở của Lê Minh H gồm 07 mặt sau giấy chứng minh nhân dân; thu tại nơi ở của Lê Minh T 01 giấy chứng minh nhân dân tên Trần Huy H và 13 mặt sau giấy chứng minh nhân dân. Cơ quan điều tra còn thu giữ một số giấy tờ tại các tiệm cầm đồ, cụ thể:

Giấy chứng minh nhân dân và giấy phép lái xe tên Trương Văn B; giấy chứng minh nhân dân và giấy phép lái xe tên Tạ Đức M; giấy chứng minh nhân dân và giấy phép lái xe tên Thạch T do Lê Minh H mang đi cầm cố tại tiệm cầm đồ T tại khu phố 4, phường A, thị xã T, tỉnh Bình Dương do ông Nguyễn Xuân T làm chủ, 01 bộ giấy chứng minh nhân dân và giấy phép lái xe cầm được 500.000 đồng.

Giấy chứng minh nhân dân và giấy phép lái xe tên Trần Văn Đ do Hà Văn Tiền E mang đi cầm cố tại tiệm cầm đồ V tại khu phố B, phường T, thị xã T do ông Vũ Ngọc Đ làm chủ.

Giấy chứng minh nhân dân và giấy phép lái xe tên Trần Minh N do Hà Văn Tiền E mang đi cầm cố tại tiệm cầm đồ Q tại khu phố 4, phường A, thị xã T, tỉnh Bình Dương do bà Nguyễn Thị Hoài A làm chủ.

Giấy chứng minh nhân dân và giấy phép lái xe tên Phan Văn X do Lê Út N mang đi cầm cố tại tiệm cầm đồ P tại khu dân cư V, khu phố H, phường T, thị xã T, tỉnh Bình Dương do ông Nguyễn Đức T làm chủ.

Cơ quan điều tra đã Quyết định trưng cầu giám định đến Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bình Dương giám định các tài liệu nêu trên, gồm: 07 (bảy) giấy chứng minh nhân dân và 06 (sáu) giấy phép lái xe. Bản Kết luận giám định số 55/GĐ-PC54 ngày 24/3/2017, kết luận như sau: Trên các tài liệu cần giám định (kí hiệu từ A2 đến A5, A7 và từ A1 đến A13) so với hình dấu tròn có cùng nội dung trên các tài liệu mẫu (kí hiệu từ M1 đến M8) là do cùng một con dấu đóng ra; các tài liệu cần giám định (kí hiệu từ A1 đến A12) đã bị thay ảnh.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 08/2018/HS-ST ngày 19/01/2018 của Tòa án nhân dân thị xã T đã quyết định: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn M phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo khoản 1 Điều 139; điểm p khoản 1 và khoản 2 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48; Điều 41; Điều 42 và Điều 53 của Bộ luật Hình sự năm 1999 được sửa đổi bổ sung năm 2009; xử phạt bị cáo Nguyễn Văn M 01 (một) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 28/12/2017 được khấu trừ thời gian tạm giữ từ ngày 10/01/2017 đến ngày 19/01/2017.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn xử phạt các bị cáo Lê Minh T 02 (hai) năm tù, Lê Minh H 01 (một) năm tù, Lê Út N 01 (một) năm tù, Hà Văn Tiền E 01 (một) năm tù, Bùi Văn T1 06 tháng tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo khoản 1 Điều 139 của Bộ luật Hình sự năm 1999 được sửa đổi bổ sung năm 2009; tuyên về trách nhiệm dân sự, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 24/01/2018, bị cáo Nguyễn Văn M kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt (đơn kháng cáo trong hạn luật định).

Tại phiên tòa:

Đại diện Viện Kiểm sát tham gia phiên tòa phúc thẩm phát biểu quan điểm giải quyết đối với vụ án: Xác định tội danh, điều luật Tòa án cấp sơ thẩm xét xử và áp dụng đối với bị cáo M là có căn cứ, đúng người, đúng tội. Tại phiên tòa, bị cáo M kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và cung cấp các tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới như: Bị cáo là lao động chính duy nhất trong gia đình, bị cáo có con còn nhỏ; ông ngoại bị cáo là người có công với cách mạng (được tặng Huân chương kháng chiến hạng Ba). Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận

kháng cáo của bị cáo M, sửa bản án sơ thẩm theo hướng giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo M từ 02 tháng đến 03 tháng tù.

Đối với các phần khác của bản án sơ thẩm, mặc dù không bị kháng cáo, kháng nghị; tuy nhiên Tòa án cấp sơ thẩm nhận định trong các lần bị cáo Lê Minh T thực hiện hành vi phạm tội chưa có lần nào đủ định lượng để xét xử theo khoản 2 Điều 139 Bộ luật Hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009 nên xét xử bị cáo T theo khoản 1 Điều 139 của Bộ luật Hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009; nhận định này của Tòa án cấp sơ thẩm là không phù hợp, bởi lẽ bị cáo T đã thực hiện 5 lần chiếm đoạt tài sản với tổng số tiền 75.993.000 đồng là đã đủ định lượng để xét xử theo điểm e khoản 2 Điều 139 Bộ luật Hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử kiến nghị Chánh án Tòa án nhân dân cấp cao xem xét kháng nghị bản án theo thủ tục giám đốc thẩm để hủy một phần bản án sơ thẩm xét xử đối với bị cáo T.

Bị cáo Nguyễn Văn M đưa ra các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới như: Bị cáo là lao động chính duy nhất trong gia đình, bị cáo có con còn nhỏ, bị cáo phải chăm sóc mẹ vì mẹ bị cáo thường xuyên đau ốm; bị cáo luôn chấp hành tốt các quy định của địa phương; ông ngoại bị cáo là người có công với cách mạng (được tặng Huân chương kháng chiến hạng Ba); bị cáo chưa có tiền án, tiền sự. Tại phiên tòa và lời nói sau cùng của bị cáo vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Bị cáo Nguyễn Văn M cùng với bị cáo Lê Minh H sử dụng thủ đoạn gian dối là dùng giấy chứng minh nhân dân, giấy phép lái xe mang tên Thạch T và Trần Huỳnh Phú Q, sau đó dán hình của M lên các giấy tờ trên và đến các cửa hàng mua bán điện thoại tại địa bàn thị xã T, tỉnh Bình Dương làm hồ sơ vay tiền của Công ty tài chính T để mua hàng trả góp và chiếm đoạt tài sản của Công ty tài chính T với tổng số tiền 14.679.000 đồng theo các hợp đồng vay tín dụng mang tên Thạch T và Trần Huỳnh Phú Q. Theo quy định tại khoản 1 Điều 139 của Bộ luật Hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009 thì: *“Người nào bằng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản của người khác có giá trị từ hai triệu đồng đến dưới năm mươi triệu đồng hoặc dưới hai triệu đồng nhưng gây hậu quả nghiêm trọng hoặc đã bị xử phạt hành chính về hành vi chiếm đoạt hoặc đã bị kết án về tội chiếm đoạt tài sản, chưa được xoá án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ sáu tháng đến ba năm”*. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo Nguyễn Văn M phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo khoản 1 Điều 139 của Bộ luật Hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009 là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[2] Hành vi gian dối của bị cáo M để chiếm đoạt tài sản của Công ty tài chính T là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến tài sản của người khác một cách trái pháp luật, gây mất an ninh trật tự xã hội tại địa phương. Bị cáo nhận thức được hành vi của mình là trái pháp luật nhưng cố tình thực hiện, bất chấp pháp luật.

[3] Tại phiên tòa, bị cáo M giữ nguyên yêu cầu kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và đưa ra các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới như: Bị cáo là lao động chính duy nhất trong gia đình, bị cáo có con còn nhỏ, bị cáo phải chăm sóc mẹ vì mẹ bị cáo thường xuyên đau ốm; bị cáo luôn chấp hành tốt các quy định của địa phương; ông ngoại bị cáo là người có công với cách mạng (được tặng Huân chương kháng chiến hạng Ba); bị cáo chưa có tiền án, tiền sự. Xét thấy, bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự; bị cáo có nhân thân tốt; chưa có tiền án, tiền sự. Ngoài ra, mặc dù bị cáo M thực hiện hành vi phạm tội cùng với bị cáo H với tổng số tiền chiếm đoạt là 14.679.000 đồng nhưng bị cáo M chỉ thu lợi bất chính số tiền 1.000.000 đồng, bị cáo M là đồng phạm giản đơn nên Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị cáo M và áp dụng Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Điều 53 Bộ luật Hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009 sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 08/2018/HS-ST ngày 19 tháng 01 năm 2018 của Tòa án nhân dân thị xã T.

[4] Viện Kiểm sát đề nghị chấp nhận kháng cáo của bị cáo M, sửa một phần bản án sơ thẩm và giảm cho bị cáo M từ 02 đến 03 tháng tù là có căn cứ nên được chấp nhận.

[5] Mặc dù các phần khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị nhưng Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo Lê Minh T theo khoản 1 Điều 139 Bộ luật Hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009 là chưa phù hợp vì bị cáo T đã thực hiện 5 vụ với tổng số tiền chiếm đoạt 75.993.000 đồng là đã đủ định lượng để xét xử theo điểm e khoản 2 Điều 139 Bộ luật Hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009. Mặc dù Tòa án cấp sơ thẩm có sai sót, nhưng Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo Lê Minh T 02 năm tù là phù hợp với tính chất, hành vi phạm tội của bị cáo và phù hợp với khung hình phạt quy định tại khoản 2 Điều 139 Bộ luật Hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009. Về việc Viện Kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử kiến nghị Chánh án Tòa án nhân dân cấp cao xem xét kháng nghị bản án theo thủ tục giám đốc thẩm để hủy một phần bản án sơ thẩm xét xử đối với bị cáo Tân là không cần thiết nên Hội đồng xét xử không chấp nhận nhưng đề nghị Tòa án cấp sơ thẩm nghiêm túc rút kinh nghiệm.

Các phần khác của quyết định án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Án phí hình sự phúc thẩm: Do Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn M nên bị cáo M không phải nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; điểm c khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

1. Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn M; sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 08/2018/HS-ST ngày 19 tháng 01 năm 2018 của Tòa án nhân dân thị xã T về hình phạt đối với bị cáo Nguyễn Văn M.

Áp dụng khoản 1 Điều 139; điểm p khoản 1 và khoản 2 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48; Điều 41; Điều 42 và Điều 53 của Bộ luật Hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn M 09 (chín) tháng tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản", thời hạn tù tính từ ngày 28/12/2017, được khấu trừ thời gian tạm giữ từ ngày 10/01/2017 đến ngày 19/01/2017.

2. Án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo Nguyễn Văn M không phải nộp.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bình Dương;
- Phòng PV 27 CA tỉnh Bình Dương;
- TAND thị xã T;
- VKSND thị xã T;
- Chi cục THADS thị xã T;
- Công an thị xã T;
- Bị cáo;
- Tổ HCTP;
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Dương;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Nguyễn Huỳnh Đức